

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Bạch.

2/. Ông Phan Anh Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hứa Thị Hồng N, sinh năm 1991 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh B, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hứa Thị Hồng N trình bày:

Tôi và anh Lê Thanh B do mai mối nên quen biết nhau, tìm hiểu nhau thời gian ngắn rồi kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 21/6/2010. Sau khi kết hôn chúng tôi sống cùng với gia đình chồng, sau đó làm nhà ở riêng. Khoảng 05 năm gần đây thì vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B không có nghề nghiệp ổn định, không lo làm ăn, không phụ giúp gia đình mà mê

chơi, tham gia cờ bạc gây nợ, mẹ anh B phải bán đất trả nợ cho anh B. Anh B cờ bạc dẫn đến trộm cắp tài sản, đi tù 03 lần. Tôi nhiều lần khuyên anh B thay đổi nhưng không có kết quả. Tôi và anh B đã ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay chúng tôi không còn liên hệ với nhau. Do mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thanh M, sinh ngày 31/5/2011 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 14/10/2013. Ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Ngọc H, giao cháu Lê Thanh M cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, tôi và anh B không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Thanh B đã được Tòa án tổng hợp hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, Chị N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh B.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Hứa Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh B. Chị N và anh B có đăng ký kết hôn hợp pháp nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh B có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Chị N và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 21/6/2010 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị N trình bày mâu thuẫn giữa chị và anh B nguyên nhân do anh B không có nghề nghiệp ổn định, không lo làm ăn, không phụ giúp gia đình, cờ bạc gây nợ. Ngoài ra anh B cờ bạc dẫn đến trộm cắp tài sản, bị Tòa án phạt tù 03 lần. Chị N nhiều lần khuyên anh B thay đổi nhưng không có kết quả.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B. Anh B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, điều đó chứng tỏ anh B cũng không còn tha thiết với cuộc

sống vợ chồng. Chị N và anh B đã ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay, từ khi ly thân đến nay anh, chị cũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, quan hệ hôn nhân của Chị N và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của Chị N là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, Chị N và anh B có 02 người con chung là Lê Thanh M, sinh ngày 31/5/2011 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 14/10/2013. Xét thấy, từ lúc Chị N và anh B ly thân đến nay cháu M do anh B trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Huyền sống chung với Chị N và tại bản trình bày ý kiến, nguyện vọng cháu M mong muốn được tiếp tục sống chung với anh B, cháu Huyền có nguyện vọng mong muốn tiếp tục sống chung với chị N. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định của các con cần tiếp tục giao cháu M cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Huyền cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N và anh B không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hứa Thị Hồng N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Thanh B.

Về con chung: Giao cháu Lê Thanh M, sinh ngày 31/5/2011 cho anh Lê Thanh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 14/10/2013 cho chị Hứa Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh B, Chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B, Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Hứa Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016246 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Chị N đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hứa Thị Hồng N và anh Lê Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang